



Hà nội, ngày 11 tháng 11 năm 2011

THÔNG BÁO*(V/v: Triển khai cung cấp dịch vụ Giao dịch ký quỹ)*

- Căn cứ vào QĐ số 637/QĐ ngày 30/8/2011 của UBCKNN V/v ban hành Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán;
- Căn cứ vào các chính sách dịch vụ giao dịch ký quỹ đã được Hội đồng chính sách thông qua;
- Căn cứ nhiệm vụ của các Khối/Trung tâm, Phòng, Ban Công ty CP Chứng khoán Thăng Long;
- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng dịch vụ của Khách hàng.

Công ty CP Chứng khoán Thăng Long, Tổng Giám đốc thông báo tới các Chi nhánh/ Khối/ Phòng ban và các khách hàng của TLS liên quan nội dung như sau:

1. Đối tượng khách hàng: Áp dụng cho tất cả các Khách hàng của TLS do BRK chăm sóc, có đủ điều kiện được phép Giao dịch ký quỹ theo quy định của UBCKNN và TLS. Thời gian áp dụng từ ngày 14/11/2011.
2. Các Chi nhánh/phòng ban liên quan có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ Quy trình nghiệp vụ Margin do Tổng Giám đốc ban hành đồng thời tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nghiệp vụ.
3. Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày 11/11/2011.
4. Các Ông/Bà trong Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Trưởng các Khối/ Phòng tại Hội sở/ chi nhánh và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông báo này.

Nơi nhận:

- Như Mục 3
- Lưu VP.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG
TỔNG GIÁM ĐỐC*Lê Đình Ngọc*

THÔNG BÁO

(Chính sách dịch vụ Giao dịch ký quỹ tại TLS)

Công ty CPCK Thăng Long thông báo Chính sách dịch vụ Giao dịch ký quỹ tại TLS, cụ thể như sau:

NỘI DUNG CHÍNH SÁCH CHI TIẾT

1. **Các tỉ lệ áp dụng tại TLS:**
 - Tỷ lệ cảnh báo: TSR/GTCK xuống 45%
 - Tỷ lệ Call Margin: TSR/GTCK xuống 40%
 - Tỷ lệ Forcesell : TSR/GTCK xuống 35% Hoặc 03 ngày làm việc sau khi TLS thông báo khách hàng phải nộp tiền ký quỹ bổ sung tùy điều kiện nào đến trước. TLS sẽ thực hiện Bán Forcesell cho đến khi tỉ lệ về 40%
 - Tỷ lệ an toàn sau rút tiền: 60%
2. **Danh mục chứng khoán được phép GDKQ:** Theo danh sách đính kèm
3. **Đối tượng được cung cấp dịch vụ GDKQ:**
 - Khách hàng của TLS có đủ điều kiện được phép Giao dịch ký quỹ theo quy định của UBCKNN và TLS.
 - KH đang không sử dụng các dịch vụ tài chính khác tại TLS (BCC, T+, SMUT).
4. **Thời hạn cho vay đối với một khoản giải ngân:** Tối đa 01 tháng
5. **Thời hạn hợp đồng GD ký quỹ:** Tối đa 01 năm,
6. **Thời gian xử lý các khoản vay quá hạn:** Sau 03 ngày hết hạn của khoản vay nếu Khách hàng không thực hiện thanh lý tiền vay, TLS sẽ thực hiện bán Force sell để thu hồi gốc và lãi quá hạn.
7. **Phương thức thu lãi:** Thu lãi vào ngày hết hạn khoản vay hoặc khi KH thanh toán nợ trước hạn.
8. **Lãi suất dịch vụ:** 0.067%/ ngày (lãi suất này được điều chỉnh theo Chính sách của TLS tại từng thời kỳ)
9. **Phương thức tính TSDB đối với các quyền phát sinh (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua):** Được tính theo hệ số do TLS quy định từng thời kỳ.
10. **Hạn mức tối đa hợp đồng khung:** Tối đa 25 tỷ VNĐ
11. **Thời gian áp dụng:** Áp dụng từ ngày 14/11/2011

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2011

BÁN TỔNG GIÁM ĐỐC TLS



Lê Đình Ngọc

DANH MỤC CP GIAO DỊCH KỶ QUÝ THÁNG 11/2011

Danh mục này được xây dựng dựa trên các tiêu chí đã được Hội Đồng Chính sách thông qua và phê duyệt vào ngày 01/11/2011

STT	MÃ CK	TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	SÀN NIÊM YẾT	DANH MỤC CP GDKQ		
				Tỷ lệ TLS cho vay (%)	Tỷ lệ KH ký quỹ (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	AAA	An Phát Plastic	HNX	35	65	
2	ACB	Ngân hàng Á Châu	HNX	35	65	
3	ANV	Thủy sản Nam Việt	HOSE	30	70	
4	BBC	Bánh kẹo BIBICA	HOSE	40	60	
5	CII	Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	HOSE	40	60	
6	CLG	Cotec Land	HOSE	20	80	
7	CTI	Cường Thuận IDICO	HOSE	20	80	
8	DAG	Nhựa Đồng Á	HOSE	20	80	
9	DBC	Nông sản DABACO	HNX	30	70	
10	DCS	Đại Châu	HNX	20	80	
11	DIC	ĐT và TM DIC	HOSE	40	60	
12	DIG	Dic Corp	HOSE	30	70	
13	DPM	Đạm Phú Mỹ	HOSE	40	60	
14	DQC	Bóng đèn Điện Quang	HOSE	40	60	
15	DRC	Cao su Đà Nẵng	HOSE	40	60	
16	DRH	Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước	HOSE	40	60	
17	DZM	Chế tạo máy Dзі An	HNX	30	70	
18	EBS	Sách Giáo dục Hà Nội	HNX	40	60	
19	EFL	Tài chính giáo dục	HNX	40	60	
20	EIB	Eximbank	HOSE	35	65	
21	FPT	Tập đoàn FPT	HOSE	40	60	
22	GMD	Gemadep	HOSE	40	60	



23	GTT	Thuận Thảo Group	HOSE	25	75
24	HAG	Hoàng Anh Gia Lai	HOSE	25	75
25	HAP	Tập đoàn Hapaco	HOSE	40	60
26	HCM	Chứng khoán TP.HCM	HOSE	40	60
27	HDG	Xây dựng Hà Đô	HOSE	40	60
28	HLG	Tập đoàn Hoàng Long	HOSE	25	75
29	HPG	Hòa Phát	HOSE	40	60
30	HSG	Tập đoàn Hoa Sen	HOSE	25	75
31	HTI	Xi măng Hà Tiên 1	HOSE	35	65
32	HVG	Thủy sản Hùng Vương	HOSE	30	70
33	ICG	Xây dựng Sông Hồng	HNX	30	70
34	IJC	Becamex IJC	HOSE	20	80
35	ITA	Đầu tư CN Tân Tạo	HOSE	40	60
36	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	HOSE	30	70
37	KDC	Bánh kẹo Kinh đô	HOSE	40	60
38	KDH	Nhà Khang Điền	HOSE	40	60
39	KHA	XNK Khánh Hội	HOSE	40	60
40	KHB	Khoáng sản Hòa Bình	HNX	25	75
41	KHP	Điện lực Khánh Hòa	HOSE	40	60
42	KMR	MIRAE	HOSE	40	60
43	KSA	Khoáng sản Bình Thuận Hamico	HOSE	40	60
44	KSS	Nà Rì Hamico	HOSE	40	60
45	KTB	Khoáng sản Tây Bắc	HOSE	20	80
46	LAF	Chế biến Hàng XK Long An	HOSE	40	60
47	LCG	LICOGI 16	HOSE	40	60
48	LCS	Licogi 16.6	HNX	30	70
49	LUT	ĐT & XD Lương Tài	HNX	20	80
50	MCG	Cơ điện và XD VN	HOSE	20	80
51	MIC	Khoáng sản Quảng Nam	HNX	25	75
52	NTL	Đô thị Từ Liêm	HOSE	30	70
53	NVC	Thép Nam Vang	HNX	30	70
54	OCH	Khách sạn Đại Dương	HNX	20	80
55	OGC	Tập đoàn Đại Dương	HOSE	25	75
56	PET	PETROLSETCO	HOSE	30	70



57	PFL	Dầu khí Đồng Đô	HNX	20	80
58	PGS	Khí hóa lỏng Miền Nam	HNX	35	65
59	PHT	Thương mại Phúc Tiến	HOSE	30	70
60	PNJ	Vàng Phú Nhuận	HOSE	30	70
61	POT	Thiết bị Bưu điện Postef	HNX	25	75
62	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	HOSE	40	60
63	PTL	Petroland	HOSE	25	75
64	PVC	Dung dịch Khoan Dầu khí	HNX	40	60
65	PVD	Khoan Dầu khí PVDDrilling	HOSE	40	60
66	PVE	Tư vấn Dầu khí	HNX	25	75
67	PVF	TCT Tài chính Dầu khí	HOSE	20	80
68	PVL	PVPOWER LAND	HNX	25	75
69	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	HNX	40	60
70	PVT	Vận tải Dầu khí PVTrans	HOSE	40	60
71	PVX	Xây lắp dầu khí VN	HNX	30	70
72	PXI	Xây dựng Dầu khí	HOSE	40	60
73	PXL	Dầu khí IDICO	HOSE	20	80
74	PXM	Xây lắp Dầu khí Miền Trung	HOSE	25	75
75	PXS	Lắp máy Dầu khí	HOSE	40	60
76	PXT	Xây lắp Đường ống Dầu khí	HOSE	20	80
77	QCG	Quốc Cường Gia Lai	HOSE	25	75
78	REE	Cơ Điện Lạnh REE	HOSE	40	60
79	S96	Sông Đà 9.06	HNX	30	70
80	SBT	Mía đường Tây Ninh	HOSE	30	70
81	SCR	Sacomreal	HNX	40	60
82	SD9	Sông Đà 9	HNX	30	70
83	SDD	Xây lắp Sông Đà	HNX	20	80
84	SHN	Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	HNX	20	80
85	SJS	SUDICO	HOSE	40	60
86	SRB	SARA	HNX	25	75
87	STB	Sacombank	HOSE	35	65
88	STP	CN Thương Mại Sông Đà	HNX	35	65
89	TCM	Dệt may Thành Công	HOSE	40	60
90	TDC	Becamex TDC	HOSE	20	80



91	TDH	Thủ Đức House	HOSE	40	60
92	TLH	Thép Tiến Lên	HOSE	40	60
93	TNC	Cao su Thống Nhất	HOSE	30	70
94	TNG	ĐT & TM TNG	HNX	40	60
95	TS4	Thủy sản số 4	HOSE	40	60
96	UDC	XD & PT Đô thị Tỉnh BR - VT	HOSE	20	80
97	VCB	Vietcombank	HOSE	35	65
98	VE9	VNECO 9	HNX	40	60
99	VFR	Vận tải Vietfracht	HNX	40	60
100	VGS	Ông thép Việt Đức	HNX	40	60
101	VIP	Vận tải Xăng dầu VIPCO	HOSE	40	60
102	VIS	Thép Việt Ý	HOSE	40	60
103	VKC	Cáp nhựa Vĩnh Khánh	HNX	40	60
104	VOS	Vận tải Biển Việt Nam	HOSE	40	60
105	VSH	Thủy điện Vĩnh Sơn SH	HOSE	40	60
106	VST	VITRANSCHART JSC	HOSE	40	60
107	VTO	VITACO	HOSE	40	60



Ngày 01 tháng 11 năm 2011

Phê duyệt của TGD

LÊ ĐÌNH NGỌC